

Số: 4851/QĐ-KHXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 32/2025/NĐ-CP ngày 25/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

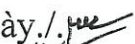
Căn cứ Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tài chính và Quản lý khoa học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam theo phụ lục đính kèm. Dự toán chi được giao đã tạm để lại 10% chi thường xuyên không bao gồm tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng ban Ban Tài chính và Quản lý khoa học, Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm;
- KBNN;
- KBNN nơi giao dịch (gửi qua đơn vị sử dụng ngân sách);
- Lưu: VT, Ban TCKH.

CHỦ TỊCH




Lê Văn Lợi

THÔNG BÁO DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

Đơn vị: Viện xã hội học và Tâm lý học

(Kèm theo Quyết định số 488/QĐ-KHXH ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

Đơn vị: 1.000 đồng

Mục	T/mục	Tên mục	Số tiền
		A. TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
		1. Tổng số thu	40.000
		- Thu bán tạp chí	40.000
		2. Chi từ nguồn thu được để lại	40.000
		- Bán tạp chí	40.000
		B. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (chưa trừ kinh phí tiết kiệm 10% để bổ sung nguồn an sinh xã hội)	14.531.837
LOẠI 100-101		SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ	14.531.837
		I. KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	2.618.000
7060		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	2.618.000
	7061	Chi khoán thực hiện nghiên cứu khoa học	2.618.000
		1. Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở	2.618.000
		1.1. <i>Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ</i>	<i>1.800.000</i>
		Kỹ năng số của lao động nữ ở nông thôn trong phát triển kinh tế hộ gia đình ở thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Giang	200.000
		Học tập chủ động ở người cao tuổi khu vực đô thị trong bối cảnh chuyển đổi số (nghiên cứu trường hợp thành phố Hà Nội và tỉnh Tiền Giang)	200.000
		Kết hôn muộn trong xã hội Việt Nam đương đại (Nghiên cứu trường hợp thành phố Hà Nội, tỉnh Nam Định và thành phố Hải Phòng)	200.000
		Văn hóa cộng đồng ở đô thị và những vấn đề đặt ra (Nghiên cứu trường hợp thành phố Vinh và thành phố Hải Phòng)	200.000
		Nhận thức, thái độ và hành vi của người dân ở thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Giang về khám chữa bệnh từ xa	200.000
		Vốn tâm lý của công nhân tại các khu công nghiệp ở Hà Nội	200.000
		Đặc điểm tâm lý xã hội của thế hệ sinh từ năm 1995-2012 đang cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Hà Nội	200.000
		Khác biệt về giá trị giữa các thế hệ: thanh niên, trung niên và người cao tuổi trên địa bàn thành phố Hà Nội	200.000
		Những rào cản tâm lý đối với phát triển kinh tế hộ gia đình của các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Lắk hiện nay	200.000
		1.2. <i>Nhiệm vụ cấp cơ sở</i>	<i>818.000</i>

Mục	T/mục	Tên mục	Số tiền
		II. KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN	10.738.506
6000, 6050, 6100, 6300		* Tiền lương, tiền công, phụ cấp lương và các khoản đóng góp (Trong đó dự kiến tăng lương 113.354.397 đồng, dự kiến lương tuyển dụng mới 03 người 319.336.992 đồng)	9.314.119
6050, 6100, 6300, 6750		Chi trả lương lao động hợp đồng	734.987
6200		Tiền thưởng	53.000
6250		Phúc lợi tập thể	40.600
6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	15.000
	6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	15.000
6550		Vật tư văn phòng	92.600
6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	61.600
6650		Hội nghị	35.400
6700		Công tác phí	138.000
6750		Chi phí thuê mướn	50.000
	6751	Thuê phương tiện vận chuyển	50.000
6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	96.600
	6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác (Trong đó tiền bảo trì phần mềm kế toán 5trđ)	96.600
7750		Chi phí khác	106.600
		III. KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN	481.250
7000		Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành	481.250
	7049	Chi phí khác	481.250
		1. Tạp chí	290.000
		- Tạp chí Tiếng Việt	270.000
		- Tạp chí Tiếng Anh	20.000
		2. Hội thảo khoa học (Xã hội học và Tâm lý học trong kỹ nguyên trí tuệ nhân tạo)	80.000
		3. Quản lý nhiệm vụ khoa học, hội đồng khoa học	77.250
		4. Hoạt động của cổng thông tin điện tử	34.000
		IV. QŨY TIỀN THƯỞNG	694.081
		C. KINH PHÍ TIẾT KIỆM 10% ĐỂ BỔ SUNG NGUỒN AN SINH XÃ HỘI	1.453.184
		D. TỔNG KINH PHÍ CÒN LẠI SAU TIẾT KIỆM 10%	13.078.653

Hee JB

Phụ lục
DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2026
Đơn vị: Viện Xã hội học và Tâm lý học
Mã số: 1058945
Mã KBNN: 0012

(Kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-KHXH ngày 31 tháng 12 năm 2025
của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam)

Đơn vị: 1.000 đồng

Nội dung	Tổng số
I. TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	
1. Tổng số thu	40.000
- Thu bán tạp chí	40.000
2. Chi từ nguồn thu được để lại	40.000
- Bán tạp chí	40.000
II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	13.078.653
1. Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (loại 100-101)	13.078.653
1.1 Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	2.356.200
<i>Trong đó: + Kinh phí được giao khoán</i>	<i>2.356.200</i>
<i>+ Kinh phí không được giao khoán</i>	
1.2 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.664.655
1.3 Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	433.125
1.4 Kinh phí Quỹ tiền thưởng	624.673

[Handwritten signature]